

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Thà;
- Ông Nguyễn Văn Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Thị Kim P, sinh năm 1972 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Lê Thị P1 (cả 02 đã chết); có chồng tên Bùi Văn H (đã ly hôn) và 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

2/ Võ Thành T, sinh năm 1984 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị E; có vợ tên Nguyễn Thị D và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

3/ Nguyễn Văn K, sinh năm 1978 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Trần Thị P2; có vợ tên Lương Phương D1 (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

4/ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; có vợ tên Trần Thị Huỳnh N2 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

5/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị B (cả 02 đã chết); có vợ tên Đỗ Thị Tuyết V và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

6/ Trần Quan G, sinh năm 1982 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quan T3 (đã chết) và bà Huỳnh Thị K1; có vợ tên Nguyễn Thị Kiều O và 02 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

7/ Trần Tấn H2, sinh năm 1990 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K2 và bà Nguyễn Thị S; có vợ tên Nguyễn Thị T4 (đã ly hôn) và 01 người con (đã chết); tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3216/QĐ-XPHC ngày 25-8-2021, Công an huyện T, tỉnh T xử phạt Huỳnh số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, nộp phạt ngày 06-9-2021, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay;

8/ Phạm Thanh T5, sinh năm 1975 tại tỉnh T; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị M (cả 02 đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị C1 và 03 người con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-5-2024 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 02-4-2024, Trần Tấn H2, Nguyễn Văn Q, Phạm Thanh T5, Nguyễn Văn C, Võ Thành T, Trần Quan G và Nguyễn Văn K đến quán nước của Phạm Thị Kim P tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào 03 lá “cào tổ liên” và thống nhất mỗi ván bài đặt ít nhất 20.000 đồng, mỗi lần tố không quá 100.000 đồng. P bán 06 bộ bài tây cho những người tham gia đánh bạc với giá 20.000 đồng/bộ. Ngoài ra P còn lấy tiền xâu bằng hình thức nếu có người thắng ván liên (nghĩa là bài có sảnh) thì phải trích ra 10.000 đồng cho P. Từ khi sòng bạc hoạt động đến khi bị bắt thu được khoảng 40.000 đồng, cụ thể như sau:

- Võ Thành T sử dụng 4.000.000 đồng đánh bạc, thắng được 950.000 đồng, bị tạm giữ 4.950.000 đồng;

- Nguyễn Văn K sử dụng 2.950.000 đồng đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 2.800.000 đồng bị tạm giữ;

- Nguyễn Văn Q sử dụng 900.000 đồng đánh bạc, thua 300.000 đồng, còn lại 600.000 đồng bị tạm giữ;

- Nguyễn Văn C sử dụng 800.000 đồng đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 700.000 đồng bị tạm giữ;

- Trần Quan G sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, thắng 290.000 đồng, bị tạm giữ 990.000 đồng;

- Trần Tấn H2 sử dụng 600.000 đồng đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 500.000 đồng bị tạm giữ;

- Phạm Thanh T5 sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, thua 20.000 đồng, còn lại số tiền 80.000 đồng để lại chiếu bạc.

Sòng bạc hoạt động đến 16 giờ 20 phút thì bị bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 760.000 đồng cùng các vật chứng khác. Tổng số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 11.300.000 đồng.

* *Kết luận giám định:* tại Kết luận giám định số 962/KL-KTHS ngày 22-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: số tiền 1.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn đồng) gồm: 10 (mười) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 500.000; 20 (hai mươi) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 200.000; 17 (mười bảy) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 100.000; 06 (sáu) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 50.000; 10 (mười) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 20.000; 10 (mười) tờ tiền Việt Nam đồng (loại Polymer) mệnh giá 10.000 qua giám định là tiền thật.

** Kết quả kê biên tài sản:* ngày 04-7-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh T ra Lệnh kê biên tài sản đối với thửa đất số 743, tờ bản đồ số 16^A, diện tích 5528m², tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh T của Võ Thành T và thửa đất số 321, tờ bản đồ số 17, diện tích 1354m², tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh T của Phạm Thị Kim P.

C, H2, T5, G, Q và K không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số: 69/CT-VKSTB ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Kim P, Võ Thành T, Nguyễn Văn K, Trần Tấn H2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Quan G, Phạm Thanh T5 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Kim P, Võ Thành T, Nguyễn Văn K, Trần Tấn H2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Quan G và Phạm Thanh T5 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim P từ 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Thành T từ 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Quan G từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Tấn H2 từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Thanh T5 từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp: căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo P xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất, các bị cáo khác không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Vào ngày 02-4-2024, Phạm Thị Kim P mua 06 bộ bài tây đem về quán cà phê của mình thuộc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh T để bán cho 07 người tham gia đánh bạc bằng hình thức bài cào 03 lá “Cào tố liên” thắng thua bằng tiền nhằm thu tiền xâu. Những người tham gia đánh bạc gồm: Võ Thành T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Trần Quan G, Trần Tấn H2, Phạm Thanh T5. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 11.300.000 đồng. Sòng bạc diễn ra đến 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an xã T, huyện T, tỉnh T kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Do đó, bản Cáo trạng số 69/CT-VKSTB ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc gia đình của người tham gia đánh bạc và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp,

cướp giật tài sản,...Hiện nay, tình hình tội phạm “Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc và G1 bạc” ngày càng có xu hướng gia tăng cả về số vụ án và số bị cáo, hình thức đánh bạc đa dạng, thủ đoạn tinh vi. Nhằm đấu tranh ngăn chặn tệ nạn cờ bạc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[4] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

[4.1] Bị cáo P biết rõ việc cung cấp bài, địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình cho người khác đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi; các bị cáo T, K sử dụng số tiền đặt cược đánh bạc nhiều nhất so với các bị cáo khác, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

[4.2] Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền đánh bạc lần lượt như sau: Q 900.000 đồng, C 800.000 đồng, G 700.000 đồng, H2 600.000 đồng, T5 100.000 đồng, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi của mình.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo K có mẹ ruột là người có công với cách mạng, bị cáo G có ông ngoại Huỳnh Văn H3 là Liệt sỹ, nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng:

[6.1] Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nhằm mục đích thắng thua bằng tiền, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo P và T có tài sản là quyền sử dụng đất bị kê biên; các bị cáo khác đánh bạc số tiền không lớn, có nghề nghiệp và thu nhập, đảm bảo điều kiện về thi hành án, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[6.2] Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng:

- 06 bộ bài tây đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền thu giữ trên chiếu bạc, thu giữ trên người các bị cáo được xác định sử dụng vào mục đích đánh bạc, tổng cộng là 11.300.000 đồng, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiền, tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A73 của bị cáo K; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A38 của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A55 của bị cáo G và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S của bị cáo H2.

[8] Lệnh kê biên tài sản số 440, 441 cùng ngày 04-7-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T kê biên quyền sử dụng đất của các bị cáo P, T cần tiếp tục duy trì cho đến khi các bị cáo chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

[9] Về án phí: các bị cáo P, T, G, K, H2, Q, C, T5 là người bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thị Kim P, Võ Thành T, Trần Quan G, Nguyễn Văn K, Trần Tấn H2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Phạm Thanh T5 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim P 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Thành T 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Tấn H2 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Quan G 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T5 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền thu trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.300.000 (mười một triệu ba trăm nghìn) đồng (được niêm phong trong 01 bì thư, kèm theo Kết luận giám định số 692/KL-KTHS ngày 22-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T (bản sao y), tình trạng niêm phong còn nguyên vẹn), gồm:

- + Số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng thu tại chiếu bạc;
- + Số tiền 4.950.000 (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng của bị cáo Võ Thành T;
- + Số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Văn K;
- + Số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Văn Q;
- + Số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn Văn C;
- + Số tiền 990.000 (chín trăm chín mươi nghìn) đồng của bị cáo Trần Quan G;
- + Số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Trần Tấn H2.

- Trả lại cho các bị cáo tài sản bị thu giữ không liên quan đến việc phạm tội, nhưng giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A73 5G, imel1: 863826059204135, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn K;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A38, số imel1: 8666540066027779, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn C;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu hồng, số imel1: 351639345708549, đã qua sử dụng của bị cáo Võ Thành T;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A55, số imel1: 866787057901634 bị bể màn hình, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Quan G;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A15 S, số imel1: 866356057404971, bị nứt màn hình đã qua sử dụng của bị cáo Trần Tấn H2.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao vật chứng ngày 22-8-2024).

3. Xử lý Lệnh kê biên tài sản: tiếp tục duy trì các Lệnh kê biên tài sản số 440, 441 cùng ngày 04-7-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đối với:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.354m², thửa đất số 321, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Phạm Thị Kim P;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 5528m², thửa đất số 743, tờ bản đồ số 16A, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Võ Thành T;

Cho đến khi các bị cáo Phạm Thị Kim P, Võ Thành T chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

4. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thị Kim P, Võ Thành T, Nguyễn Văn K, Trần Tấn H2, Nguyễn Văn Quốc, Nguyễn Văn C2, Trần Quan G và, Phạm Thanh T5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNN- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy